TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày: 02-7-2024
V/v: "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thái

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2024/TLST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2024, về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L – sinh năm 1966.
Địa chỉ: Khu phố 2, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Ngọc T – sinh năm 1996. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Tân Lý 2, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
- Bị đơn: Ông Trần Ngọc L - sinh năm 1989. Có đơn xin xử vắng mặt.
Địa chỉ: Khu phố 2, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã La Gi, ông Ngô Ngọc T – đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 13/4/2023, ông Trần Ngọc L có vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền là 300.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền, số hợp đồng No 02130, quyển số: 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng công chứng L vào ngày 13/4/2023, lãi suất vay là 1,5%/tháng tính từ ngày 13/4/2023. Khi vay, ông L có cam kết là trong 03 tháng tính từ ngày 13/4/2023 đến hết ngày 12/7/2023 sẽ trả gốc và lãi đầy đủ cho bà L. Nhưng cho đến nay, mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu ông L phải hoàn trả số tiền gốc và lãi nhưng ông L không trả, cứ hẹn lần này đến lần khác và không có thiện chí trả nợ.

Bà L yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc ông Trần Ngọc L phải trả cho bà L số tiền vay là 300.000.000 đồng;

Buộc ông Trần Ngọc L phải trả tiền lãi quá hạn cho bà L với lãi suất 150% lãi suất tính từ ngày 13/7/2023 đến ngày xét xử 02/7/2024 là 11 tháng 19 ngày. Tại phiên toà, ông T – đại điện cho nguyên đơn khai bà L đã nhận 03 tháng tiền lãi và yêu cầu tính lãi suất là 11 tháng: 300.000.000 đồng x 1,5% x 11 tháng x 150% = 74.250.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 374.250.000 đồng.

*** Bị đơn: Ông Trần Ngọc L**

Ngày 13/4/2023, ông Trần Ngọc L có vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 300.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh quán nhậu. Trong thời gian này, ông L đã đóng tiền lãi cho bà L số tiền 27.000.000 đồng. Vì ảnh hưởng của tình hình kinh tế đi xuống và Nghị định nồng độ cồn của Chính phủ nên quán của ông L làm ăn bế tắc, thua lỗ, làm ông không thể kinh doanh quán được nữa. Tháng 7/2023, ông L đã trả mặt bằng và không kinh doanh nữa, ông L không đóng tiền lãi cho bà L được nữa. Hiện tại, ông L đang thất nghiệp, ai kêu làm gì thì ông làm nấy để kiếm sống qua ngày. Bà L đã nhiều lần gọi ông nói ông trả tiền, ông L đã xin bà Loan cho thời gian ông bán đất ông trả tiền cho bà L nhưng bà L không đồng ý. Hiện tại ông L có tài sản đảm bảo thế chấp cho bà L là 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất của ông L chưa bán được vì nằm trong quy hoạch.

Quá trình giải quyết, ông L có đơn xin xử vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay tính từ ngày 13/7/2023 đến ngày xét xử.

Về án phí: Ông Trần Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu ông Trần Ngọc L trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, phía bị đơn có địa chỉ tại khu phố 2, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Ngọc L có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải nhưng không thỏa thuận được. Phía nguyên đơn yêu cầu ông Trần Ngọc L phải trả số tiền nợ gốc là: 300.000.000 đồng và tiền lãi nợ quá hạn. Quá trình giải quyết, ông L thừa nhận có vay tiền của bà L là 300.000.000 đồng, Toà án có triệu tập hai bên để tiến hành hoà giải nhưng ông L vắng mặt.

Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 13/4/2023 (bản chính) do phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L cung cấp thể hiện việc cho vay tiền để chứng minh cho yêu cầu của mình, cụ thể: Ông Trần Ngọc L có vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng. Thời hạn vay là 03 tháng, kể từ ngày 13/4/2023 đến hết ngày 12/7/2023. Giấy vay tiền có chữ ký và chữ viết của bà L và ông L.

Xét về thời hạn của Hợp đồng vay tiền trên tính đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn. Vì vậy, từ những căn cứ trên phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Ông L vay tiền của bà L chỉ có một mình ông giao dịch, mục đích ông L vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh quán nhậu. Theo biên bản xác minh tại địa phương, ông Trần Ngọc L có đăng ký thường trú tại khu phố 2, phường Phước Hội, thị xã L, ông L chưa kết hôn. Căn cứ lời khai của ông L thừa nhận có vay tiền của bà L 300.000.000 đồng nhưng do hiện nay kinh doanh bị thua lỗ nên ông chưa trả tiền cho bà L. Từ những căn cứ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc bị đơn ông Trần Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất vay 1,5%/tháng theo Hợp đồng: Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là phù hợp, cụ thể: Tính từ ngày 13/7/2023 đến ngày xét xử 02/7/2024 là 11 tháng 19 ngày. Tại phiên toà, ông T – đại diện cho nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 11 tháng: 300.000.000 đồng x 1,5 x 11 tháng x 150% = 74.250.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng nợ gốc và lãi ông Trần Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L là: 374.250.000 đồng.

[4] Về án phí:

Ông Trần Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463 và điểm b khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 374.250.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi 74.250.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Ngọc L phải chịu 18.712.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 9.018.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011554 ngày 21/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn